TỜ 1

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG (TỈNH LẠNG SƠN) - TRÀ LĨNH (TỈNH CAO BẰNG) THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

GIAI ĐOẠN 1 - ĐỊA PHẬN TỈNH LẠNG SƠN (BỔ SUNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT)

thôn Pác Bó
(thôn Lũng Phầy)
thôn Cóoc Toàng
thôn Thà Lừa
thôn Lũng Sàng
Xã Tri Phương
thôn Bó
thôn Cốc S
Xã Chi Lăng
(thôn May)
thôn Pác Động
thôn Kéo Quang
Đoỏng Lìu)
di tích Bông Lan Lũng Phầy
N. Bá Mây Liềm
N. Pi Ao
N.Đúc Đang
N. Khuổi Bao
suối Bản Bó
suối Cốc Pa
suối Cốc Phát
khuổi Dàn
sông khỏ kao
346,8
425,5
511,9
582,8
579,2
592,9
602,9
349,0
399,2
604
341,1
291,7
514,0
381,2
412,7
522,6
483,5
281,0
482,3
257,1
210,7
371,9
237,3
314,6
349,7
312,3
324,6
307,9
162,1
450
500
300
350
200
16
17
27
28
29
39
40

CHÚ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Ranh giới tiểu khu
- Ranh giới khoảnh
- Ranh giới lô
- Đường nhựa, bê tông
- Đường bình độ cái
- Đường bình độ con
- Sông, suối, hồ
- Điểm độ cao (274.8)
- Số hiệu tiểu khu (47)
- Số hiệu khoảnh (2)
- Tổ 32 — Tên thôn bản, tổ dân phố
- Rừng gỗ núi đá nghèo(TXDN)
- Rừng gỗ núi đá nghèo kiệt (TXDK)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo (TXN)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK)
- Rừng hỗn giao Gỗ-Tre nứa núi đất (HG)
- Diện tích có cây tái sinh (DTTS)
- Đất khác (DTK, DKH)
- Khu vực đã CMĐSDR đợt 1
- Ranh giới lô
- 17-TG / 1,48 — Lô - LDLR / Diện tích

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ ĐẦU TƯ
Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025	Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bế Ích Hiến	Vũ Văn Tú

Nguồn tài liệu
- Bản đồ địa hình hệ Vn 2000.
- Bản đồ quy hoạch Lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn
- Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn 2023
- Ảnh vệ tinh, ảnh chụp hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái Flycam.
- Kiểm tra thực địa khoanh vẽ bổ sung ngoài thực địa tháng 01 - 02 năm 2025

TỶ LỆ 1:10.000

1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế

0m 100 200 300 400

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH HT Cao Bằng

TỜ 2

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG (TỈNH LẠNG SƠN) - TRÀ LĨNH (TỈNH CAO BẰNG) THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

GIAI ĐOẠN 1 - ĐỊA PHẬN TỈNH LẠNG SƠN (BỔ SUNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT)

N

W E

S

252,4

thôn Cốc Tảo

TT.Thất Khê

157,3

thôn Nà Khuất

Khuổi Lường

318,5

57

69

cầu Suối Ngan

(thôn Pò Bó)

256,1

153,3

thôn Thẩm Lường

388,7

316,3

156,9

222,9

Xã Kháng Chiến

256,2

239,9

(thôn Biềng)

200

192,1

299,5

N. Ma Quỷnh

67

khuổi Hải

176,0

193,3

thôn Nă

thôn Pò Bó

561,1

N. Đông Ba

342,1

265,3

221,9

N. Đồng Mò

234,4

khuổi Piềng

suối Pò Cạ

khau Riềng

Xã Hùng Sơn

463,2

thôn Vái Pải

275,3

674,8

222,9

231,3

thôn Khau Cà

600

583,4

N. Hua Vài

(thôn Coong)

78

79

485,0

248,5

401,3

342,4

thôn Pioong

khuổi Pioong

466,9

474,8

Xã Hùng Việt

N. Khau Cà

361,8

thôn Phiêng Chuông

263,0

324,2

534,0

350

304,8

264,7

354,3

85

86

206,6

281,7

khuổi Săng

287,0

638,9

khau Tét

CHÚ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Ranh giới tiểu khu
- Ranh giới khoảnh
- Ranh giới lô
- Đường nhựa, bê tông
- Đường bình độ cái
- Đường bình độ con
- Sông, suối, hồ
- 274.8 Điểm độ cao
- (47) Số hiệu tiểu khu
- 2 Số hiệu khoảnh
- Tổ 32 Tên thôn bản, tổ dân phố

- Rừng gỗ núi đá nghèo(TXDN)
- Rừng gỗ núi đá nghèo kiệt (TXDK)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo (TXN)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK)
- Rừng hỗn giao Gỗ-Tre nứa núi đất (HG)
- Diện tích có cây tái sinh (DTTS)
- Đất khác (DTK, DKH)
- Khu vực đã CMĐSDR đợt 1
- Ranh giới lô
- 17-TG Lô - LDLR
- 1,48 Diện tích

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ ĐẦU TƯ
Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025	Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025
CÔNG TY TNHH HT CAO BẰNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG - TRÀ LĨNH
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bế Ích Hiến	Vũ Văn Tú

Nguồn tài liệu
- Bản đồ địa hình hệ Vn 2000.
- Bản đồ quy hoạch Lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn
- Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn 2023
- Ảnh vệ tinh, ảnh chụp hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái Flycam.
- Kiểm tra khoanh vẽ bổ sung ngoài thực địa tháng 01 - 02 năm 2025

TỶ LỆ 1:10.000

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH HT Cao Bằng

TỜ 3

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG (TỈNH LẠNG SƠN) - TRÀ LĨNH (TỈNH CAO BẰNG) THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

GIAI ĐOẠN 1 - ĐỊA PHẬN TỈNH LẠNG SƠN (BỔ SUNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT)

N

W E

S

359,2
N. Khuổi Khách
64A
317,5
S. Khuổi Lếch
thôn Đèo Khách
80
321,3
227,0
thôn Nà Deng
thôn Pò Lạ
134,7
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
333,0
200
81
Xã Quốc Việt
264,7
khuổi Lếch
(thôn Khuổi Khòn)
303,6
311,4
khau Lếch
N. Pò SLam Xạ
307,6
N. Pò SLam Xạ
82
cầu Khuổi Lếch
356,8
250
265,9
(thôn Quan)
300
279,1
365,7
thôn Nà Cạn
dãy khau Khòn
thôn Lòng Giảo
250
184
250303,5
371,7
Khuổi Phai Ne
354,0
181B
thôn Khòm Búm
khau Mắt
dãy Khau Luông
thôn Cốc Cam
312,3
350
thôn Miện
xã Tân Việt
thôn Bó Mịn
N. Sóc Mẩn
200
khau Hoi
321,8
khuổi Chàng
326,3
250
thôn Nà Tèo
thôn Nà Lạnh
thôn Nà Pia
400
(thôn Khuổi Hoi)
300
188
hồ Nà Pia
305,5
(thôn Nặm Shù)
300
núi Đồn
451,2
thôn Pá My
250
300
SÔNG KỲ CÙNG
217,6
Pa Tậ
N. Tào Ngần
181,5
thôn Lũng Vài
N. Mỏ Toòng
250
312,7
300
suối Nà Lừa
341,4
thôn Nà Chi
thôn Nà Mánh
thôn Lùng Thuông
thôn Bản
thôn Nà Lừa
khau Nghiệu thôn Khum Gioọng
227,9
193
Bản Gioong
192
xã Trùng Quán
300
434,0
N. Nóc Mà
thôn Thông Kịt
thôn Nà Liệt Trong
344,9
thôn Pá Đanh
218,2
thôn Nà Chông
suối Nà Liệt
thôn Nà Liệt Ng
N. Nà Cá

CHÚ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Ranh giới tiểu khu
- Ranh giới khoảnh
- Ranh giới lô
- Đường nhựa, bê tông
- Đường bình độ cái
- Đường bình độ con
- Sông, suối, hồ
- 274.8 Điểm độ cao
- 47 Số hiệu tiểu khu
- 2 Số hiệu khoảnh
- Tổ 32 Tên thôn bản, tổ dân phố

- Rừng gỗ núi đá nghèo(TXDN)
- Rừng gỗ núi đá nghèo kiệt (TXDK)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo (TXN)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK)
- Rừng hỗn giao Gỗ-Tre nứa núi đất (HG)
- Diện tích có cây tái sinh (DTTS)
- Đất khác (DTK, DKH)
- Khu vực đã CMĐSDR đợt 1
- Ranh giới lô
- 17-TG1 / 1,48 Lô - LDLR / Diện tích

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ ĐẦU TƯ
Cao Bằng, ngày 19..tháng..02..năm 2025	Cao Bằng, ngày 19..tháng..02..năm 2025
CÔNG TY TNHH HT CAO BẰNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG TRÀ LĨNH
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bế Ích Hiến	Vũ Văn Tú

TỶ LỆ 1:10.000

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH HT Cao Bằng

Nguồn tài liệu
- Bản đồ địa hình hệ Vn 2000.
- Bản đồ quy hoạch Lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn
- Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn 2023
- Ảnh vệ tinh, ảnh chụp hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái Flycam.
- Kiểm tra khoanh vẽ bổ sung ngoài thực địa tháng 01 - 02 năm 2025

TỜ 4

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN CAO TỐC ĐỒNG ĐĂNG (TỈNH LẠNG SƠN) - TRÀ LĨNH (TỈNH CAO BẰNG) THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

GIAI ĐOẠN 1 - ĐỊA PHẬN TỈNH LẠNG SƠN (BỔ SUNG THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT)

N

W E

S

thôn Nà Pai
thôn Bản Khinh
thôn Bó Củng
232,9
373,8
N. Đông Lăng
bản Làng
N. Cho Nhay
Hu Trong
xã An Hùng
305,4
391,1
N. Kéo Pá Lải
đồi Xiểm
thôn Thanh Hảo
Hu Ngoài
406,4
Nà Chèn
Nà Liền
217,1
N. Lùng Boong
N. Lùng Hu
344,2
N. Liêu Hàng
xã Tân Lang
cầu Tăm
suối Khum Roóc
(thôn Tân Hội)
N. Trùng Vạt
396,0
suối Sật
N. Co Dầm
thôn Phiếng Khoang
bản Tích
suối Bản Tích
N. Kéo Pác Có
thôn Nà Cườm
thôn Nà Khách
thôn Pò Lầu
thôn Nặm Tấu
TT Na Sầm
thôn Thẩm Cun
suối Lũng Cùng
275,3
N. Đồng Lân
184,5
thôn Nà Chà
khu 7
513,9
768,
(thôn Mìn)
N. Hang Tá
thôn Mè
thôn S Lam
thôn Kéo Van
suối hoàng việt
thôn Lũng Cùng
224,3
266,6
N. Phiêng Luông
thôn Tênh Đôn
550
274,8
thôn Pác Đôn
205,9
323,5
thôn Lù Thẩm
thôn Mìn
thôn Nà Phai
khuổi Lầy
400
thôn Pác Ka
thôn Nà Mạt
343,9
N. Keo Pệt
xã Hoàng Việt
thôn Nà Quan
thôn Pác Ka
301,5
suối Pắc Chăm
song kỳ cùng
N. Pó Tàn
khuổi sân
N.Trái Pen
thôn Pò Pheo
274,0
thôn Cò Nọoc
N. Phia Sia
(thôn Khum Liềm)
243,2
322,5
thôn Công Lý
278,4
225
N. Chắp Chút
N.Toong Chinh
283,5
thôn Tà Piac
263,7
222,3
N. Khảo Cài
262,5
Bản Mới
Nà Lanh
Nà Danh
đồi Vè
thôn O
N. Lũng Tong
265,5
327,9
286,1
Nà Nọi
Lậu Cáy
suối Cốc Hắt
suối Quang Pải

CHÚ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Ranh giới tiểu khu
- Ranh giới khoảnh
- Ranh giới lô
- Đường nhựa, bê tông
- Đường bình độ cái
- Đường bình độ con
- Sông, suối, hồ
- Điểm độ cao
- Số hiệu tiểu khu
- Số hiệu khoảnh
- Tổ 32 — Tên thôn bản, tổ dân phố
- Rừng gỗ núi đá nghèo(TXDN)
- Rừng gỗ núi đá nghèo kiệt (TXDK)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo (TXN)
- Rừng gỗ núi đất LRTX nghèo kiệt (TXK)
- Rừng hỗn giao Gỗ-Tre nứa núi đất (HG)
- Diện tích có cây tái sinh (DTTS)
- Đất khác (DTK, DKH)
- Khu vực đã CMĐSDR đợt 1
- Ranh giới lô
- Lô - LDLR / Diện tích

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ ĐẦU TƯ
Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025	Cao Bằng, ngày 19 tháng 02 năm 2025
GIÁM ĐỐC Bế Ích Hiến	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Vũ Văn Tú

Nguồn tài liệu
- Bản đồ địa hình hệ Vn 2000.
- Bản đồ quy hoạch Lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn
- Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn 2023
- Ảnh vệ tinh, ảnh chụp hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái Flycam.
- Kiểm tra khoanh vẽ bổ sung ngoài thực địa tháng 01 - 02 năm 2025

TỶ LỆ 1:10.000

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH HT Cao Bằng